

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO THƯƠNG XUYỂN (VỪA LÀM VỪA HỌC), ĐỢT TUYỂN SINH 1 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1056/QĐ-HĐTS ngày 21/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	KV UT	ĐT UT	Mã Phương thức xét tuyển của trường	Tổ hợp môn xét tuyển	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Tổng điểm chưa có UT	Điểm UT	Điểm UT quy đổi	Điểm trúng tuyển theo thang điểm 30
I. ĐẠI HỌC															
1. Ngành Giáo dục Mầm non															
1	180	Hà Kiều Anh	Nữ	02/01/2008		01	512	C00	7	6,1	6,5	19,6	2	2	21,6
2	174	Lê Lương Hoài Anh	Nữ	28/07/2008			512	X70	7,5	9,25	6,6	23,35	0	0	23,35
3	15	Trần Kim Anh	Nữ	25/12/1994			512	C03	8	5	8	21	0	0	21
4	86	Triệu Thị Ánh	Nữ	08/09/1985		01	512	D14	6	5,5	8	19,5	2	2	21,5
5	1	Nông Thị Bài	Nữ	25/10/1987		01	512	D14	4,5	6	9,5	20	2	2	22
6	250	Trần Thị Bắc	Nữ	19/12/1976			512	C00	6,5	7,5	6	20	0	0	20
7	31	Ma Thị Bền	Nữ	14/01/1986		01	512	D15	6	6,5	6,5	19	2	2	21
8	38	Hà Thị Biên	Nữ	23/06/1987		01	512	D14	6	7	9,5	22,5	2	2	24,5
9	215	Ma Thị Chát	Nữ	25/11/1989		01	512	C03	7	5	8	20	2	2	22
10	24	Nguyễn Thị Dì	Nữ	24/04/1994		01	512	C03	7,5	7	9	23,5	2	1,73	25,23
11	176	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	01/02/2006		01	512	C19	7,25	4,5	8	19,75	2	2	21,75
12	32	Hoàng Thị Duyên	Nữ	15/06/1982		01	512	C00	5,5	6,5	6	18	2	2	20
13	68	Trần Thị Giang	Nữ	20/08/1980		01	512	C00	7,5	5,5	5	18	2	2	20
14	121	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	20/08/1993		01	512	C04	7,5	7	6,5	21	2	2	23
15	67	Hoàng Thị Hạnh	Nữ	22/07/1987		01	512	D15	5,5	7,5	6,5	19,5	2	2	21,5
16	83	Lê Thị Hằng	Nữ	24/02/1996			512	C04	7,5	6	7,5	21	0	0	21
17	144	Nguyễn Thị Hậu	Nữ	11/10/1993		01	512	D15	5,5	3,5	10	19	2	2	21
18	58	Hoàng Thị Hiên	Nữ	11/01/1987		01	512	D14	5	6,5	8,5	20	2	2	22
19	11	Hà Thị Hoa	Nữ	20/05/1985			512	D15	6	8	8,5	22,5	0	0	22,5
20	241	Hoàng Thị Như Hoa	Nữ	25/04/1993			512	C04	9,5	7,5	7,5	24,5	0	0	24,5
21	278	Lữ Thị Hoan	Nữ	10/07/2008		01	512	X70	7	8,25	7	22,25	2	2	24,25

22	135	Linh Thị Hòe	Nữ	17/07/1991		01	512	C00	6	6,5	7	19,5	2	2	21,5
23	21	Đào Thị Hồng	Nữ	22/06/1984			512	D15	7	6,5	8,5	22	0	0	22
24	159	Phùng Thị Hồng	Nữ	06/06/1987		01	512	D14	6	8	8	22	2	2	24
25	163	Nông Kim Huệ	Nữ	15/10/1995		01	512	D15	4	7,5	7,5	19	2	2	21
26	155	Hoàng Thị Huyền	Nữ	01/05/1990		01	512	C03	6,5	7	9	22,5	2	2	24,5
27	139	Đặng Thị Hương	Nữ	26/09/1995		01	512	D15	4	5,5	9	18,5	2	2	20,5
28	251	Hán Thị Thu Hương	Nữ	10/05/1994			512	D14	7,5	8,5	7	23	0	0	23
29	45	Trương Thị Thu Hương	Nữ	23/10/1994			512	D14	5,5	7	7,5	20	0	0	20
30	130	Quan Thị Hường	Nữ	22/05/1992		01	512	C00	6,5	6,5	5,5	18,5	2	2	20,5
31	149	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	18/06/1988			512	D15	6	5,5	10	21,5	0	0	21,5
32	142	Triệu Thị Lan	Nữ	26/03/1993		01	512	C04	7	5	6,5	18,5	2	2	20,5
33	8	Mông Thị Lành	Nữ	22/03/1993		01	512	C04	9,5	7,5	6	23	2	1,87	24,87
34	101	Hoàng Thị Loan	Nữ	09/01/1996		01	512	C04	5	6	7	18	2	2	20
35	30	Nông Thị Luật	Nữ	19/08/1987		01	512	C04	5,5	6,5	6	18	2	2	20
36	134	Sầm Thị Luyến	Nữ	22/07/1989		01	512	D14	4,5	6,5	8	19	2	2	21
37	47	Lâm Thị Mạch	Nữ	28/08/1991		01	512	C04	9	6,5	7	22,5	2	2	24,5
38	28	Ngô Thị Mai	Nữ	05/11/1987			512	D15	6	7,5	9	22,5	0	0	22,5
39	253	Hoàng Thị Nga	Nữ	24/04/1994		01	512	D14	2,5	9	9	20,5	2	2	22,5
40	81	Trần Thị Thanh Nga	Nữ	10/10/1986			512	D14	7	6	9,5	22,5	0	0	22,5
41	7	Nguyễn Thị Phương	Nữ	06/08/1981			512	D15	6	6	9	21	0	0	21
42	49	Quan Thị Phương	Nữ	22/12/1994		01	512	D15	6,5	8,5	8,5	23,5	2	1,73	25,23
43	64	Lường Thị Tâm	Nữ	25/10/1996		01	512	C03	6,5	7	9,5	23	2	1,87	24,87
44	77	Trần Ánh Tuyết	Nữ	06/09/1990			512	C03	7,5	7	8,5	23	0	0	23
45	82	Trần Thị Thanh	Nữ	03/03/1987		01	512	D14	6,5	6	8,5	21	2	2	23
46	29	Công Thị Thảo	Nữ	28/02/1987		01	512	D15	5,5	7	9	21,5	2	2	23,5
47	13	Tạ Thị Thắm	Nữ	21/07/1984		01	512	D15	8	9	8	25	2	1,33	26,33
48	137	Trần Thị Thim	Nữ	15/08/1986			512	D15	6	7	9,5	22,5	0	0	22,5
49	210	Nguyễn Thị Thu	Nữ	03/06/1985			512	D15	6	5	9	20	0	0	20
50	279	Lừ Minh Thư	Nữ	30/09/2008		01	512	X70	6,5	7,75	5,5	19,75	2	2	21,75
51	150	Trần Thị Minh Thư	Nữ	28/11/1990			512	D15	5,5	8	7	20,5	0	0	20,5
52	20	Mai Thị Huyền Trang	Nữ	11/10/1993			512	D15	7,5	6	8	21,5	0	0	21,5
53	204	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	23/09/1995			512	D15	6	6	8	20	0	0	20
54	273	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	22/01/2008			512	X70	7,75	6,85	7,5	22,1	0	0	22,1
55	25	Nguyễn Thị Ánh Vân	Nữ	25/11/1993		01	512	D15	5,5	7	8	20,5	2	2	22,5

56	50	Hoàng Thị Yến	Nữ	22/09/1993		01	512	D15	4,5	7	8,5	20	2	2	22
57	2	Hứa Thị Yến	Nữ	18/04/1984		01	512	C00	6,5	6	6,5	19	2	2	21
58	78	Nguyễn Hải Yến	Nữ	20/08/1986			512	D15	6	5	9	20	0	0	20
59	39	Nguyễn Thị Yến	Nữ	06/05/1992		01	512	D14	5	7	7	19	2	2	21
2. Ngành Giáo dục Tiểu học															
1	31	Nguyễn Bích Diệp	Nữ	02/03/2003		05a	512	A00	8,2	7,25	7,75	23,2	1	0,91	24,11
2	177	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	12/01/2004		01	512	C03	6,2	7,75	7	20,95	2	2	22,95
3	25	Lương Văn Đông	Nam	24/04/1993		01	512	D01	9	5,5	8	22,5	2	2	24,5
4	27	Nguyễn Ngọc Đức	Nữ	21/07/2003			512	A00	8,8	7,2	8,5	24,5	0	0	24,5
5	19	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	13/11/1992			512	C03	6,5	7	8,5	22	0	0	22
6	23	Phùng Thị Hương	Nữ	23/08/1995		01	512	D01	5,5	5,5	8,5	19,5	2	2	21,5
7	26	Đặng Tống Khánh Linh	Nữ	01/12/1995			512	C04	5	8	7	20	0	0	20
8	33	Triệu Thị Khánh Linh	Nữ	12/04/2008	1	01	512	C03	6,75	5,5	7,25	19,5	2,75	2,75	22,25
9	28	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	13/09/2008	2NT		512	C03	5,75	7,75	7,5	21	0,5	0,5	21,5
10	35	Trần Thị Thanh	Nữ	22/10/2008		01	512	C03	5,25	8,5	7	20,75	2,75	2,75	23,5
11	1	Nguyễn Thị Trang	Nữ	11/04/1993			512	D01	8,5	6	5,5	20	0	0	20
3. Ngành Sư phạm Ngữ văn															
1	13	Lê Mai Hương	Nữ	04/12/2007	0	01	512	C00	7,75	9,25	5,25	22,25	2	2	24,25
4. Ngành Quản lý văn hoá															
1	13	Chu Thị Thúy Hà	Nữ	30/09/1981		05a	508	C19	6,5	5,73	6,07	18,3	1	1	19,3
2	12	Thào Mí Lữ	Nam	10/06/2005		01	508	C19	6,87	7,67	8,37	22,91	2	1,89	24,8
3	14	Nguyễn Thị Mười	Nữ	10/04/1987	0	01	508	D15	6,37	6,57	6,97	19,91	2	2	21,91
5. Ngành Kế toán															
1	8	Nông Thị Chuẩn	Nữ	14/10/1990		01	508	C01	5,03	5,3	5,17	15,5	2	2	17,5
2	9	Lê Quang Đức	Nam	13/09/1986			508	C03	5,5	5,53	7,27	18,3	0	0	18,3
3	16	Trần Trung Hiếu	Nam	30/04/2004			508	C03	5,57	6,2	6,7	18,47	0	0	18,47
4	2	Hoàng Thị Lý	Nữ	07/08/1991		01	508	C03	5,7	6,5	7,43	19,63	2	2	21,63
5	15	Giang Thế Mạnh	Nam	02/12/2007	1		508	D09	5,2	6,17	5,87	17,24	0,75	0,75	17,99
6	1	Triệu Thị Nga	Nữ	01/05/1998		05a	508	C03	6,3	6,97	7,1	20,37	1	1	21,37
7	10	Nguyễn Nhã Phương	Nữ	15/02/1991			508	C03	5,4	5,93	6,27	17,6	0	0	17,6
6 Ngành Công nghệ thông tin															
1	8	Phan Anh Châu	Nam	04/10/1995			508	X25	5,8	8,37	7,73	21,9	0	0	21,9
2	3	Nguyễn Minh Đoàn	Nam	02/07/1985			508	D07	6,27	6,87	7,07	20,21	0	0	20,21
3	14	Phan Văn Hùng	Nam	18/07/0996		01	508	X25	5,17	6,13	5,6	16,9	2	2	18,9

4	11	Đỗ Đại Phú	Nam	15/07/2001			508	A00	5,83	5,77	5,47	17,07	0	0	17,07
7. Ngành Dược học															
1	63	Đặng Thị Dịu	Nữ	12/10/1994			512	D12	7	8,5	7,5	23	0	0	23
2	62	Phạm Thị Huệ	Nữ	03/02/1995		01	512	B00	9	9,5	9	27,5	2	0,67	28,17
3	33	Hoàng Thị Hương	Nữ	29/12/1995			512	D07	8,5	8,5	8	25	0	0	25
4	60	Đào Diệu Linh	Nữ	25/07/1995			512	C02	9,5	8	7	24,5	0	0	24,5
5	64	Trần Hoài Nam	Nam	06/02/2004			512	C02	8,2	7,5	9	24,7	0	0	24,7
6	57	Nguyễn Ánh Ngọc	Nữ	09/10/1994			512	D07	9	10	9,5	28,5	0	0	28,5
7	40	Chu Thị Huyền Sâm	Nữ	20/12/1988			512	D07	7	7,5	9	23,5	0	0	23,5
8	31	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Nữ	02/03/1995			512	B00	7,5	8,5	7	23	0	0	23
9	45	Vũ Thị Thanh Tuyết	Nữ	15/11/1986			512	D07	7,5	8,5	9	25	0	0	25
10	6	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	13/06/1988			512	A05	7	5,5	7,5	20	0	0	20
11	43	Nguyễn Thu Thủy	Nữ	16/05/1988		01	512	D07	7,5	7,5	9	24	2	1,6	25,6
12	61	Phạm Hồng Vân	Nữ	03/11/1994			512	D07	7	10	9	26	0	0	26
13	44	Phạm Thị Vân	Nữ	26/07/1987			512	D12	7	5,5	9	21,5	0	0	21,5
7. Ngành Điều dưỡng															
1	4	Đinh Thị Ngọc Ánh	Nữ	06/12/1995			512	C08	7	8	7	22	0	0	22
2	41	Mai Quang Huy	Nam	25/03/1991			512	A02	8	8	7	23	0	0	23
3	114	Nguyễn Thị Hương Ly	Nữ	18/12/2003			508	C08	7,43	7,53	7,27	22,23	0	0	22,23
4	100	Nguyễn Xuân Quý	Nam	03/11/1996			512	B02	4,5	9	7,5	21	0	0	21
5	63	Bùi Trọng Toàn	Nam	10/04/1991			512	A02	9,5	8	8	25,5	0	0	25,5
6	94	Đặng Xuân Thịnh	Nam	25/10/1997			508	B02	6,8	6,7	7,37	20,87	0	0	20,87
7	115	Trịnh Thị Hoài Thương	Nữ	02/04/2003	0	0	508	B02	6,87	7,6	7,67	22,14	0	0	22,14
II. CAO ĐẲNG GIÁO DỤC MẦM NON															
1	181	Vi Ngọc Ánh	Nữ	25/02/2008	2NT	05a	512	X70	4,75	6,25	5,6	16,6	1,5	1,5	18,1
2	4	Bùi Thị Minh Chi	Nữ	07/07/2007	1	01	512	X74	7	4,6	7,5	19,1	2,75	2,75	21,85
3	13	Đỗ Nguyễn Diệp Chi	Nữ	08/12/2008	1		512	C03	4,5	6,5	6,95	17,95	0,75	0,75	18,7
4	3	Lý Ngọc Chi	Nữ	01/01/2003		01	512	C19	3,75	4,25	9,25	17,25	2	2	19,25
5	16	Nguyễn Thị Duy	Nữ	02/01/2008	1	01	512	C00	7,25	8,75	6,75	22,75	2,75	2,66	25,41
6	23	Phạm Thị Hà Giang	Nữ	11/09/2004			512	C19	7,5	7	8,5	23	0	0	23
7	12	Phạm Thu Hiền	Nữ	29/10/1999			512	C19	4	4,5	9	17,5	0	0	17,5
8	7	Nguyễn Thu Hoài	Nữ	23/09/1990			512	C03	7,5	7,7	8,5	23,7	0	0	23,7
9	17	Chang Thị Máy	Nữ	28/06/2008	1	01	512	C00	4,5	8,25	5,75	18,5	2,75	2,75	21,25
10	8	Ma Thị Nga	Nữ	03/08/2007	1	01	512	C00	7	8,75	6,5	22,25	2,75	2,75	25

11	22	Vương Thị Hồng Nhung	Nữ	18/01/2005		01	512	C19	7,25	6	9	22,25	2	2	24,25
12	19	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	05/08/2008	2		512	C00	7,75	7,75	7,5	23	0,25	0,23	23,23
13	21	Hoàng Thị Hải Yến	Nữ	17/10/2008	1	01	512	X74	6,25	7,25	7	20,5	2,75	2,75	23,25

(*Ấn định danh sách này là 118 thí sinh*)